

## BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 29 – Tháng 6 Năm 2025 – Capable Counsel

### I. Lĩnh vực thương mại

#### 1.1. Quyết định 1543/QĐ-BCT năm 2025 gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

Gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc theo Quyết định số 1535/QĐ-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương đến ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

#### 1.2. Thông tư 33/2025/TT-BCT sửa đổi Thông tư 01/2018/TT-BCT hướng dẫn hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 01/2018/TT-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân “*Đối với hàng hóa phục vụ sản xuất trong nước không thuộc Danh Mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, chỉ được phép nhập khẩu qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu trong thời gian cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo sau khi xin ý kiến Bộ Công Thương.*”

Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BCT bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

### PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



## **DANH MỤC HÀNG HÓA MUA BÁN, TRAO ĐỔI CỦA THƯƠNG NHÂN QUA CỬA KHẨU PHỤ, LỐI MỞ BIÊN GIỚI NẴM NGOÀI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU**

### **I. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các trường hợp liệt kê mã HS 2 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc Chương này.
2. Các trường hợp liệt kê mã HS 4 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc nhóm 4 số này.
3. Các trường hợp liệt kê mã HS 6 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc phân nhóm 6 số này.
4. Các trường hợp liệt kê đến mã HS 8 số thì chỉ áp dụng đối với mã HS 8 số đó.

### **II. Danh Mục hàng hóa**

<b>Chương</b>	<b>Nhóm</b>	<b>Phân nhóm</b>		<b>Mô tả mặt hàng</b>
Chương 07	0714	10		- Sắn:
Chương 08				- Hạt Điều:
	0801	31	00	-- Chưa bóc vỏ
	0801	32	00	-- Đã bóc vỏ
Chương 10	1005			Ngô
Chương 11				Toàn bộ Chương 11
Chương 12	1201			Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh.

	1212	93		-- Mía đường:
Chương 25				Toàn bộ Chương 25 trừ nhóm 2501
Chương 26				Toàn bộ Chương 26 trừ các mã HS: 2618.00.00, 2619.00.00 và các nhóm: 2620, 2621
Chương 27	2701			Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá
	2704			Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá
Chương 39				Toàn bộ Chương 39 trừ các nhóm HS: 3915, 3916, 3917, 3918, 3919, 3920, 3921, 3922, 3923, 3924, 3925, 3926
Chương 40				Toàn bộ Chương 40 trừ mã HS 4004.00.00 và các nhóm: 4010, 4011, 4012, 4013, 4014, 4015, 4016, 4017
Chương 41				Toàn bộ Chương 41 trừ các nhóm HS: 4101, 4102, 4103
Chương 44				Toàn bộ Chương 44 trừ các nhóm HS: 4403, 4407, 4414, 4415, 4416, 4417, 4418, 4419, 4420
Chương 50				Toàn bộ Chương 50
Chương 51				Toàn bộ Chương 51 trừ nhóm 5103



Chương 52				Toàn bộ Chương 52 trừ nhóm 5202
Chương 53				Toàn bộ Chương 53
Chương 54				Toàn bộ Chương 54
Chương 55				Toàn bộ Chương 55
Chương 56				Toàn bộ Chương 56
Chương 58				Toàn bộ Chương 58 trừ các nhóm: 5805, 5811
Chương 59				Toàn bộ Chương 59
Chương 60				Toàn bộ Chương 60
Chương 72	7201			Gang thổi và, gang kính ở dạng thổi, dạng khối hoặc dạng thô khác
	7202			Hợp kim fero
Chương 73				Toàn bộ Chương 73 trừ các các nhóm 7321, 7322, 7323, 7324, 7325, 7326
Chương 74				Toàn bộ Chương 74 trừ mã HS 7404.00.00 và nhóm 7418



Chương 75				Toàn bộ Chương 75 trừ mã HS 7503.00.00
Chương 76				Toàn bộ Chương 76 trừ mã HS 7602.00.00 và các nhóm 7615, 7616
Chương 78				Toàn bộ Chương 78 trừ mã HS 7802.00.00 và nhóm 7806
Chương 79				Toàn bộ Chương 79 trừ mã HS 7902.00.00 và nhóm 7907
Chương 80				Toàn bộ Chương 80 trừ mã HS 8002.00.00 và nhóm 8007

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

### 1.3. Thông tư 34/2025/TT-BCT sửa đổi Thông tư 02/2018/TT-BCT hướng dẫn Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: “1. *Cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 122/2024/NĐ-CP*”.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

*“Điều 3. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới*

*1. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.*

*2. Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.*

*3. Các mặt hàng ngoài danh mục quy định tại khoản 2 Điều này không được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.*



4. Trường hợp cần đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng ngừa dịch bệnh qua biên giới, Bộ Công Thương sau khi trao đổi với các Bộ, ngành liên quan quyết định tạm ngừng nhập khẩu một số mặt hàng trong danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trên từng địa bàn với thời gian cụ thể”.

Thay thế Phụ lục I Danh mục hàng hóa nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới tại Thông tư số 02/2018/TT-BCT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

#### **1.4. Luật Quảng cáo sửa đổi 2025 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2025**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1
- Sửa đổi, bổ sung Điều 4
- Sửa đổi, bổ sung Điều 6
- Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8
- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 9
- Sửa đổi, bổ sung Điều 11
- Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 05/2017/QH14 và Luật số 44/2019/QH14

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 của Luật Thương mại như sau: “2. Hoạt động thương mại đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó. Hoạt động quảng cáo thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.”
- Bãi bỏ Mục 2 Chương IV của Luật Thương mại.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn hoặc thông báo đoàn người thực hiện quảng cáo nhưng chưa có ý kiến của



cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quảng cáo tại thời điểm Luật này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 42/2024/QH15 và Luật số 47/2024/QH15.

### **1.5. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi 2025 ngày 18 tháng 6 năm 2025**

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2025.

Sửa đổi, bổ sung các điều 1, 2, 3, 4, 5 và 6; bổ sung các điều 6a, 6b, 6c, 6d, 6đ vào sau Điều 6 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa đã được công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, đã được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo thời hạn hiệu lực ghi trong các nội dung công bố hoặc giấy chứng nhận đã được cấp.

Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, đăng ký kiểm tra về chất lượng hàng hóa nhập khẩu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, chưa có thông báo kiểm tra về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.

Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp đến hết thời hạn hiệu lực ghi trong quyết định chỉ định.

### **1.6. Thông tư 42/2025/TT-BCT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2025**

Thông tư này ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để áp dụng trên phạm vi toàn quốc.



Đối tượng áp dụng của Thông tư này gồm: Ủy ban Cảnh tranh quốc gia; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

### **DANH MỤC**

#### **SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ PHẢI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG**

*(Kèm theo Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

<b>TT</b>	<b>Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ</b>
1	Cung cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt
2	Cung cấp nước sinh hoạt
3	Truyền hình trả tiền
4	Dịch vụ viễn thông di động mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ truy nhập Internet)
5	Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ truy nhập Internet)
6	Vận chuyển hành khách đường hàng không
7	Vận chuyển hành khách đường sắt
8	Mua bán căn hộ chung cư

#### **1.7. Thông tư 39/2025/TT-BCT quy định hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà**



## **thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2025**

Thông tư này quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại.

Đối tượng áp dụng:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);
- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động có liên quan đến thương mại, các đối tượng có quyền hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 91 Luật thương mại khi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá bán ngay trước thời gian khuyến mại của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó, trừ trường hợp khuyến mại bằng các hình thức quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại. Điều 8, khoản 2 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng hình thức quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại, Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Các hoạt động khuyến mại, chương trình khuyến mại tập trung đang áp dụng hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2024/NĐ-CP trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng cho đến khi hết thời hạn thực hiện hoạt động khuyến mại, chương trình khuyến mại tập trung đó.

## II. Lĩnh vực doanh nghiệp

### 2.1. Thông tư 61/2025/TT-BTC sửa đổi Khoản 1 Điều 4 của Thông tư 75/2013/TT-BTC hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2025

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số như sau:

*“1. Hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết được chia theo các khu vực, cụ thể như sau:*

*a) Khu vực miền Bắc, gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hưng Yên, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;*

*b) Khu vực miền Trung, gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau: Đà Nẵng, Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Quảng Trị và Huế;*

*c) Khu vực miền Nam, gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Đồng Nai, Lâm Đồng, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và Vĩnh Long.”*

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

## III. Lĩnh vực thuế

### 3.1. Thông tư 33/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 6 năm 2025

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện gồm:



- Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất.
- Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.
- Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển.

Thông tư này áp dụng đối với người nộp phí; tổ chức thu phí; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

Mức thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện được quy định tại Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện ban hành kèm theo Thông tư này.

Người nộp phí thực hiện nộp phí cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 và thay thế Thông tư số 01/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện.

Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm

2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

### **3.2. Nghị định 117/2025/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân ngày 09 tháng 6 năm 2025**

Nghị định này quy định:

- Phạm vi trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác.
- Cách thức các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của các hộ, cá nhân.
- Hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay.
- Hộ, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.
- Cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu ở trong nước của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.



Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hộ, cá nhân cư trú số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong và ngoài nước của cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử; thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hộ, cá nhân không cư trú số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **3.3. Thông tư 40/2025/TT-BTC sửa đổi Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2025**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 3 Mục III Thông tư số 79/2000/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với vùng lũ lụt, vùng khó khăn.

Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 09/2002/TT-BTC ngày 23 tháng 1 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2002 theo Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Sửa đổi, bổ sung điểm e.2 khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân,



Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2021/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế nội địa.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ quy định về chi hội đồng tư vấn thuế cấp huyện, thị xã và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 1 Mục II Thông tư số 117/1999/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã quy định tại Thông tư này được chuyển đổi theo tên gọi của cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.

### **3.4. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 do Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2025**

Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều này.

Thu nhập khác bao gồm:



- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán;
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản;
- Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá, trừ bất động sản;
- Thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, bao gồm cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;
- Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, trừ thu nhập từ hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng;
- Khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí được trừ; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra;
- Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng;
- Các khoản tài trợ, tặng cho bằng tiền hoặc hiện vật nhận được;
- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để góp vốn, điều chuyển khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài;
- Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập đối với các hoạt động cho thuê tài sản công;
- Các khoản thu nhập khác, trừ các khoản thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này.



Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài có phát sinh thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài trong kỳ tính thuế được trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ở Việt Nam, nhưng không được vượt quá số thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.

Doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) theo quy định của pháp luật thì thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp được trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam theo quy định của Luật này.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 61/2020/QH14, Luật số 12/2022/QH15 và Luật số 15/2023/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.